TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **156**/2020/DS-PT
Ngày: 17/9/2020
V/v *"Tranh chấp hợp đồng đặt cọc"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Phong

Các thẩm phán: Ông Bùi Thanh Thảo

Bà Đinh Thị Quý Chi

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nam – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Bà Nguyễn Thị Nga – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 108/2020/DSPT ngày 25/5/2020 về việc *"Tranh chấp Hợp đồng đặt cọc"*. Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 03/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2020/QĐPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1978. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thanh T: Ông Hồ Phương B, sinh năm 1982. (có mặt)

Địa chỉ: Văn phòng Luật Sư T, đường M, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (Theo Giấy ủy quyền số 004814 ngày 25/6/2019 tại Văn phòng Công chứng H).

Bị đơn: Ông Ngô Thiên V, sinh năm 1977; bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982. (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1974. (vắng mặt)
- Ông Bùi Văn C, sinh năm 1969. (vắng mặt)

- Ông Bùi Văn Thanh T, sinh năm 1993. (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương.
- Bà Đào Kim T2, sinh năm 1987. (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ H, khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước.
- Ông Trần Danh H, sinh năm 1969. (có mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Ngô Thiên V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các biên bản đối chất, hòa giải và quá trình tranh tụng tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, người đại diện theo ủy quyền ông Hồ Phương B thống nhất trình bày:

Thông qua sự giới thiệu của bà Đào Kim T2, giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Ngô Thiên V có quen biết nhau. Sau khi anh Vũ có giới thiệu và dẫn đi xem đất thì ngày 06/3/2019 thì bà Nguyễn Thị Thanh T đồng ý mua thửa đất của anh Ngô Thiên V giới thiệu.

Ngày 06/3/2019 bà Nguyễn Thị Thanh T có đặt cọc cho ông Ngô Thiên V số tiền là 2.200.000.000 đồng, các bên có làm bản cam kết nhận tiền nội dung bên giao tiền là bà Nguyễn Thị Thanh T, bên nhận tiền ông Ngô Thiên V. Nội dung nhận tiền "Chồng tiền đất Xã M trị giá 2.600.000.000 đồng". Đối tượng giao dịch ghi trong bản cam kết là thửa đất số 1093, tờ bản đồ số 02, diện tích 5548m2 (Thực chất là thửa đất 1293, tờ bản đồ số 02), tọa lạc tại ấp 10, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Chữ viết ghi trong hợp đồng của ông Ngô Thiên V.

Đến ngày 01/4 2019 bà T đã gửi các giấy tờ liên quan cho ông V nhưng ông V không thực hiện việc công chứng thửa đất cho bà T. Do đó bà T đã đến nhà của ông V và bà H để yêu cầu trả lại tiền cọc cho bà T nhưng ông V, bà H không trả lại.

Nay bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ông Ngô Thiên V và bà Nguyễn Thị H phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền là 2.200.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2019/QĐ – BPKCTT ngày 02/7/2019 bà T đề nghị giữ nguyên để đảm bảo việc thi hành án.

Tại các biên bản ghi lời khai, tại bản tự khai, các biên bản đối chất, hòa giải và quá trình tranh tụng tại phiên tòa bị đơn ông Ngô Thiên V và người đại diện theo ủy quyền ông Đỗ Văn Th thống nhất trình bày:

Ngày 22/2/2019, ông Ngô Thiên V gặp bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Bùi Văn C, bà Nguyễn Thị T1 thông qua giới thiệu của bà Đào Kim T2. Ông V giới thiệu cho bà T, ông C, bà T1 thửa đất số 1293, tở bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 10, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Thửa đất này ông V đã mua lại của ông Nguyễn Văn G. Khi xem xong bàn bạc nhất trí ông V bán lại cho bà T, ông C mua lại theo hình thứ góp cổ phần, còn lại ông V một phần tương đương 600.000.000 đồng, riêng phần của bà T và ông C cụ thể bao nhiêu tiền thì ông V không xác định được. Bà T chuyển trước cho ông V 300.000.000đ vào ngày 26/2/2019, khoảng ngày 28/2/2019

ông V có nhận thêm tiền cọc từ bà T là 200.000.000đ. Sau đó ông V có nhận tiền từ bà T nhiều lần cụ thể:

Ngày 06/3/2019 bà T và ông C, bà T1 lên thị xã B để uống cà phê và ông V nói có mua 01 căn nhà ở Bình Long nếu thích thì để lại với giá 660.000.000 đồng, bà T đồng ý mua nhà của ông V và viết giấy đặt cọc cho ông V số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 06/3/2019 nhưng đến ngày 7/3/2019 mới giao 100.000.000 đồng tiền cọc tại nhà ông C ở huyện B, tỉnh Bình Dương, tiền do bà T đưa.

Ngày 12/3/2019 tại quán cà phê kế Ngân hàng S, tỉnh Bình Dương ông V nhận của bà T thêm 1.000.000.000 đồng tại quán cà phê kế Ngân hàng và viết giấy nhận tiền tổng 3 lần nhận tiền là 1.600.000.000 đồng. Số tiền 1.000.000.000 đồng ông V nhận là tiền chung các bên không rạch ròi là tiền bà T mua nhà của ông V tại thị xã B hay tiền mua thửa đất số 1293, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 10, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Ngày 17 hoặc 18/3/2019 ông V có xuống nhà ông C, có bà T ở đó , bà T đưa cho ông V số tiền 400.000.000 đồng để công chứng nhà ở Bình Long. Trong số tiền 1.000.000.000 đồng ông V nhận của bà T thì ông V cọc cho ông Giang 900.000.000đ, ngày 18 hoặc 19 ông V nhận thêm của bà T số tiền 200.000.000 đồng.

Ngày 20/3/2019 ông V viết giấy nhận tiền của bà T là 2.200.000.000 đồng.

Ngày 22/3/2019 đến ngày công chứng căn nhà nhà tại thị xã B mà ông V bán cho bà T, do bà T không lên ký hợp đồng công chứng nên đến ngày 25/3/2019 anh Bùi Văn Thanh T lên ký đứng tên thay cho bà Nguyễn Thị Thanh T.

Ngày 31/3/2019 ông V có xuống nhà ông C, bà T1 và bà T đưa cho ông V 400.000.000 đồng cho ông V để công chứng thửa đất số 1293, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 10, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Ngày 01/4/2019 ông V, ông H đi công chứng thửa đất số 1293, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 10, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước cho bà Nguyễn Thị Thanh T. Sự việc này chứng minh việc bà H ở Văn phòng công chứng C thừa nhận buổi sáng ông V yêu cầu công chứng cho người mua là bà Nguyễn Thị Thanh T, nhưng sau đó ông V lại yêu cầu thay đổi sang cho ông Bùi Văn Thanh T, sự việc này có ông H, bà T cùng làm chứng.

Ngày 2/4/2019 Văn phòng công chứng làm thủ tục cho ông Bùi Văn Thanh T đứng tên, ông H và bà T tiếp tục ra ký lần 2.

Khoảng 18 giờ ngày 3/4/2019 ông V có xuống nhà ông C, bà T1 thì bà T có đưa ông V 2 tờ biên bản bản cam kết cho ông T đứng tên.

Đối với việc ghi trong bản cam kết là thửa đất 1093 là do ông V ghi nhầm, thực chất thửa đất giao dịch là 1293, chữ ghi trong bản cam kết nhận tiền là do chính ông V viết ra.

Nay bà T yêu cầu ông Ngô Thiên V, bà Nguyễn Thị H trả 2.200.000.000 đồng thì ông V không đồng ý vì lý do ông V đã làm theo yêu cầu của bà T là công chứng cho ông T đứng tên căn nhà tại thị xã B và thửa đất tại xã M, ngoài ra không nhận khoản tiền nào khác từ bà T. Tổng số tiền ông V nhận từ bà T là 2.660.000.000đ trong đó nhà ở Bình Long là 660.000.000 đồng, còn 2.000.000.000 đồng là thửa đất ở Xã M.

Tại các biên bản ghi lời khai, tại bản tự khai, quá trình tranh tụng tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị H và người đại diện theo ủy quyền ông Đỗ Văn Th thống nhất trình bày:

Việc ông V có làm ăn buôn bán đất ở ngoài xã hội thì bà H có biết và ông V có bàn bạc cùng với bà H. Nguồn tiền làm ăn và lợi nhuận là tài sản chung của hai vợ chồng. Đối với việc mua bán đất giữa bà T với ông V thì bà H không biết mà chỉ sau này khi bà T đến nhà yêu cầu trả tiền thì bà H mới biết. Nay bà T yêu cầu ông V, bà H trả lại cho bà T số tiền 2.200.000.000 đồng thì bà H không đồng ý.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/9/2019 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đào Kim T2 trình bày:

Sau khi ông Ngô Thiên V cho xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và dẫn đi xem thực tế thửa đất số 1293, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 10, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước thì bà Đào Kim T2 đồng ý mua cổ phần của ông V với số tiền là 600.000.000 đồng, còn anh Bùi Văn Thanh T là 2.000.000.000 đồng. Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên đứng tên đồng sở hữu là bà Đào Kim T2 và ông Bùi Văn Thanh T. Đối với văn bản lập ngày 3/4/2019 tại nhà ông Bùi Văn C do ghi sai nên vứt bỏ lại, phần chữ viết sau là do ông V tự viết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/9/2019 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Thanh T trình bày:

Đối với việc giao dịch, mua bán thửa đất số 1293, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 10, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước thì do ông Bùi Văn C và bà Nguyễn Thị T1 (là bố mẹ ruột của ông Bùi Văn Thanh T) thực hiện. Khi ra công chứng thì bà T1, ông C có nhờ ông Tùng đứng tên. Hiện nay ông Tùng đứng đồng sở hữu với bà Đào Kim T2. Bà Nguyễn Thị Thanh T cũng không nhờ ông Bùi Văn Thanh T đứng tên thửa đất nào cả.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/9/2019, biên bản đối chất ngày 08/01/2020 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn C, bà Nguyễn Thị T1 thống nhất trình bày:

Sau khi lên Bình Phước tìm mua đất thì ông V dẫn đi xem thửa đất số 1293, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 10, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước và đồng ý mua với số tiền là 2.600.000.000 đồng. Do ông V nói chủ đất ở Sài Gòn nên ông V đứng ra nhận cọc, việc thanh toán được chia thành nhiều lần, sau khi công chứng thì ông V có thu lại hết các giấy tờ. Tại thời điểm thực hiện việc công chứng thửa đất thì ông C, bà T1 nhờ con trai là ông Bùi Văn Thanh T đứng tên đồng sở hữu cùng với bà Đào Kim T2.

Qúa trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Danh H trình bày:

Ông Trần Danh H và bà Nguyễn Thị Thanh T là vợ chồng, do bận công việc nên việc làm ăn buôn bán đất do bà T thực hiện. Đối với số tiền bà T đặt cọc cho ông V 2.200.000.000 đồng là tài sản chung của hai vợ chồng. Do đó ông Hòa đề nghị ông V, bà H phải trả lại cho ông Hòa và bà T số tiền trên.

Tại biên bản ghi lời khai, tại đơn đề nghị và tại phiên tòa người làm chứng ông Tống Đức H, bà Nguyễn Thị Thơ trình bày.

Thửa đất 1293, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 10, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước là thửa đất đứng tên ông Tống Đức H và bà Nguyễn Thị Thơ. Ông H có giao cho ông H4 làm môi giới bán thửa đất trên với số tiền là 1.580.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn G. Ngày 01/4/2019 ông V có yêu cầu ông H và bà T đến Văn phòng công chứng C ký tên và người mua là bà Nguyễn Thị Thanh T nhưng do ông V nói chồng bà T không ký văn bản cam kết tài sản riêng nên bà T không đứng tên được còn lại ông H không chứng kiến bà T nói trực tiếp hay nghe điện thoại nói chuyện giữa ông V và bà T về việc bà T nói cho ông Bùi Văn Thanh T đứng tên thay. Ông Tống Đức H công chứng theo yêu cầu của ông Ngô Thiên V, còn công chứng cho ai thì vợ chồng ông H, bà T không quan tâm vì đã nhận đủ tiền.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 25/3/2020 người làm chứng bà Nguyễn Thị H trình bày.

Ông Ngô Thiên V và bà Nguyễn Thị Thanh T là khách hàng của VPCC, không có quan hệ họ hàng gì. Khoảng tháng 4 năm 2019 thì ông Ngô Thiên V có đến VPCC Chơn Thành nhờ công chứng thửa đất số 1293, tờ bản đồ số 02 đứng tên ông Tống Đức H. Ban đầu thì ông V nói công chứng cho người mua là bà Nguyễn Thị Thanh T và bà Đào Kim T2, buổi chiều thì ông V nói công chứng cho người mua là ông Bùi Văn Thanh T và bà Đào Kim T2 vì chồng bà T không lên ký cam kết tài sản riêng. Tại thời điểm công chứng thì có mặt bà T hay không thì bà H không xác định được.

Tại đơn trình bày ngày 12/9/2019 người làm chứng ông Nguyễn Văn G trình bày:

Ngày 20/2/2019 ông Nguyễn Văn G gặp ông Ngô Thiên V và ông V có giới thiệu cho ông Giang thửa đất số 1293, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 10, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước của ông Tống Đức H và ông Giang đồng ý mua với số tiền là 1.580.000.000 đồng. Ngày 25/2/2019 ông V có hỏi mua lại thửa đất mà ông Giang đã làm hợp đồng đặt cọc cho ông H do có lời nên ông Giang bán lại cho ông V với số tiền là 2.600.000.000 đồng.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 03/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:

[1].Về tố tụng: Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điều 36, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 328, Điều 423, 427, Điều 428 Bộ luật dân sự

Căn cứ khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
Điều 27 Luật Hôn hân và Gia đình năm 2014.

[2].Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T.
Buộc ông Ngô Thiên V, bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thị Thanh Tâm và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Danh H số tiền 2.200.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm triệu đồng).

Tuyên hủy bỏ Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Ngô Thiên V ngày 06/3/2019.

[3] Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2019/QĐ-BPKCTT ngày 02/7/2019 cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của ông Ngô Thiên V, bà Nguyễn Thị H.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện H trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền bảo đảm 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) đã đóng ngày 02/7/2019 tại tài khoản số 5616205162295 khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/5/2020, bị đơn ông Ngô Thiên V có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn ông Ngô Thiên V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Điều 310 BLTTDS, chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Thiên V hủy bản án sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 03/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, chuyển hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước nhận định như sau:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Theo nguyên đơn bà T cho rằng Bản cam kết nhận tiền đề ngày 06/3/2019 giữa bà T với ông Ngô Thiên V là hợp đồng đặt cọc nhưng do tin tưởng ông V và số tiền nguyên đơn đưa cho ông V 2.200.000.000đồng là

quá lớn nên không cần ghi thời hạn vì ông V nói sổ đã làm thủ tục sang tên cho ông V (BL 60). Nhưng ông V cho rằng: Ông V cùng với bà T và vợ chồng ông C, bà T1 có hùn tiền mua đất của ông Tống Đức H (sau này phần của ông V chuyển giao lại cho bà Thoa), bản cam kết nhận tiền mục đích xác nhận các lần tiền ông đã nhận từ bà T từ ngày 26/02/2019 đến ngày 17 hoặc 18/3/2019 chứ ngày viết bản cam kết không có việc giao nhận tiền và ngày viết bản cam kết là ngày 20/3/2019. Xét thấy, trong bản cam kết nhận tiền không có thỏa thuận nào khác về ràng buộc nghĩa vụ của các bên sau khi thực hiện hoặc không thực hiện hợp đồng thì sẽ xử lý số tiền cọc như thế nào? Đối chiếu với quy định tại Điều 328 BLDS 2015 quy định về đặt cọc thì nội dung và hình thức không phù hợp với quy định về đặt cọc, một bên đương sự lại không thừa nhận, các bên lại không có thỏa thuận nào khác. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh hợp đồng đặt cọc" là chưa phù hợp với quy định của pháp luật về hợp đồng đặt cọc.

Xét kháng cáo của bị đơn ông Ngô Thiên V thấy rằng:

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông V, bà T thừa nhận có lập một tờ giấy cam kết vay tiền "Bản cam kết nhận tiền" với nội dung: Bên nhận tiền là ông Ngô Thiên V, bên giao tiền là bà Nguyễn Thị Thanh T với lý do chồng tiền mua thửa đất số 1093, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 10, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước trị giá 2.600.000.000 đồng còn lại 400.000.000 đồng. Theo bà T ngày lập bản cam kết là vào ngày 06/3/2019, tại quán cà phê gần nhà ông V, sau khi lập bản cam kết thì bà T đã đưa cho ông V số tiền 2.200.000.000 đồng mục đích viết giấy cam kết là đặt cọc mua đất Xã M. Còn theo ông V thì ngày viết giấy cam kết là ngày 20/3/2019, mục đích viết giấy để xác nhận các lần bà T giao tiền cho ông V trước đó tính đến trước ngày 20/3/2019, chứ thực chất vào ngày viết bản cam kết giữa hai bên không có việc giao nhận tiền và thửa đất ông và bà T thỏa thuận mua chung là thửa đất 1293 chứ không phải 1093, lý do trong bản cam kết 1093 là do ông V ghi nhầm. Xét thấy, giữa hai bên trình bày có sự mâu thuẫn về thời gian viết Bản cam kết cũng như việc giao nhận tiền nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành giám định các tài liệu do các bên cung cấp mà chỉ căn cứ vào Bản cam kết nhận tiền đề ngày 06/3/2019 xác định việc ông V nhận của bà T số tiền 2.200.000.000 đồng vào ngày 06/3/2019 và buộc ông V phải trả lại cho bà T số tiền 2.200.000.000 đồng là chưa đủ cơ sở vững chắc.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, ông V cung cấp cho Tòa án bản phô tô (từ bản chụp ảnh trong điện thoại) – Tại bút lục số 277 thể hiện: "*Ngày 12/3/2019 ông Ngô Thiên V có nhận của chị Nguyễn Thị Thanh T số tiền là 1.000.000.000 đồng, trị giá mảnh đất là 2.600.000.000 đồng. Phần của chị T và anh Công là 1.730.000.000 đồng. Chị T và anh C đưa tổng 03 lần là 1.600.000.000 đồng. Số còn lại là 133.000.000 đồng*". Trong tờ giấy này có chữ ký và dấu lăn tay của bà T. Bà T có thừa nhận là có ký nhưng ký với tư cách là người làm chứng cho ông C (Thể hiện tại biên bản lấy lời khai ngày 08/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước). Nhưng tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, bà T lại cho rằng mình không biết có việc ký nhận này và yêu cầu cung cấp bản chính để xác minh. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã không thu

thập bản gốc, cũng như không tiến hành lấy lời khai của các đương sự về vấn đề này cũng không tiến hành đối chất giữa các đương sự để làm rõ nội dung này khi giải quyết vụ án là chưa đánh giá toàn diện chứng cứ để giải quyết vụ án một cách triệt để.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ đối với số tiền 02 tỷ đồng mà ông C và bà T1 trình bày là hùn với ông V để mua thửa đất số 1293, tờ bản đồ số 02 đứng tên ông Tống Đức H tại Xã M cụ thể chưa làm rõ ai là người giao tiền, giao cho ai, vào thời gian nào?

[5] Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn ông V cũng cung cấp các bản ghi âm để chứng minh cho lời trình bày của mình. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành lập biên bản mở, nghe các đoạn ghi âm do ông V cung cấp. Tuy nhiên, khi công khai mở các bản ghi âm thì không có mặt bà Nguyễn Thị H (tại file ghi âm 01), bà Đào Kim T2 (tại file ghi âm 07), ông Tô Việt H (tại file ghi âm 03) nên không thể xác định được giọng nói trong các đoạn ghi âm trên có phải là những người này hay không. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành lấy lời khai của những người vắng mặt hoặc tiến hành giám định giọng nói trong các file ghi âm là thiếu sót nghiêm trọng.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm việc thu thập tài liệu, chứng cứ chưa đầy đủ đặc biệt là các tài liệu chứng cứ do phía bị đơn ông V cung cấp, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự mà tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông Ngô Thiên V hủy Bản án dân sự sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông V không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông V số tiền 300.000 đồng đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án ;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Ngô Thiên V.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 03/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước; Giao toàn bộ hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện H để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được xử lý khi vụ án được giải quyết lại.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2019/QĐ-BPKCTT ngày 02/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Thiên V không phải chịu; Chi cục Thi hành án dân sự huyện H hoàn trả cho ông V số tiền 300.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001873 ngày 10/4/2020.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Viết Phong